

ĐỀ NGỮ VÀ CHỨC NĂNG NGHĨA CỦA ĐỀ NGỮ TRONG CÁC TÁC PHẨM CỦA NAM CAO

TOPIC AND MEANING FUNCTIONS OF TOPIC

IN THE WORKS OF NAM CAO

LÊ THỊ BÌNH

(TS; Trường Đại học Hồng Đức)

Abstract: The paper studies syntax components of topic in term of semantics perspective. Meaning functions of topic is to state the theme of sentence and to be concretized by different roles. In particular, the aim is a highlight meaning role of theme.

Key words: Theme/topic; meaning functions.

Mở đầu

Một thành công trong nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt những năm giữa thế kỉ XX là đã phát hiện thành phần chủ đề như một đặc trưng của câu tiếng Việt. Phát hiện này đã bổ sung vào danh sách thành phần câu tiếng Việt một thành phần mới mà trước đó (do mô phỏng các sách ngữ pháp tiếng Pháp) không có. Cho đến nay, thành phần cú pháp này (với các tên gọi khác nhau: *thành phần khởi ý, từ - chủ đề, khởi ngữ, đề ngữ...*) đã được nhiều công trình đề cập đến.

Bài viết tập trung nghiên cứu thành phần cú pháp *đề ngữ* từ góc độ ngữ nghĩa. Ngữ liệu được khảo sát trong các tác phẩm của Nam Cao (xem *Nguồn ngữ liệu*) với 212 câu đơn sử dụng đề ngữ. Có thể nói, phong cách ngôn ngữ Nam Cao gần gũi với ngôn ngữ đời thường. Bởi ông đã biết vận dụng lời ăn tiếng nói của nhân dân một cách nhuần nhuyễn trong các sáng tác của mình trong đó thành phần đề ngữ được sử dụng như một phương tiện hữu hiệu.

1. Đề ngữ trong nghiên cứu cú pháp tiếng Việt

Có thể nói, đề ngữ đã được Việt ngữ học nghiên cứu từ lâu. Cũng không chủ quan khi nói rằng, đề ngữ là thành phần câu được thảo luận sôi nổi nhất. Khuynh hướng nghiên cứu ngôn ngữ hiện đại, ngữ pháp chức năng, ngữ pháp ngữ nghĩa cũng không thể bỏ qua thành phần câu này.

Trong câu “*Thư Giáp gửi rồi.*”, Trương Văn Chính và Nguyễn Hiến Lê cho rằng diễn tả thoại đề (đề, mục đích câu nói) và chủ từ không phải là một. Hai tác giả đã nêu ra một thành phần câu có “chức vụ riêng”, gọi là *chủ đề* và định nghĩa: “Chủ đề là tiếng đứng đầu câu, dùng để diễn đạt thoại đề mà không phải là chủ từ. Về ý tứ, chủ đề có liên lạc với một tiếng khác trong câu. Nhưng về ngữ pháp thì chủ đề đứng riêng biệt, không có quan hệ với một tiếng nào trong câu cả. Chủ đề đặt trước chủ từ”. (Dẫn theo [3, tr. 273]).

Các tác giả sách *Ngữ pháp tiếng Việt* gọi *đề ngữ* là *từ-chủ đề* và định nghĩa như sau: “Từ-chủ đề là thành phần câu chỉ ra cho thấy cái gì mà nhờ nó, phát ngôn chứa trong câu được thiết lập. Nó được biểu thị bằng danh từ có chứa giới từ hoặc không có giới từ, luôn luôn đứng ở vị trí thứ nhất, trước tất cả các thành phần còn lại và thường có tiểu từ phân giới *thì* đi kèm. Giống như trạng ngữ đứng đầu câu, từ - chủ đề không liên hệ với thành phần nào cụ thể của câu cả, mà có quan hệ với toàn bộ câu”. [12, tr. 273].

Nguyễn Minh Thuyết cũng có quan niệm tương tự: “Từ - chủ đề ... luôn luôn đứng đầu câu và không có khả năng chuyển đến các vị trí khác. Nó biểu thị chủ đề của câu nói, và được biểu thị bằng danh từ có giới từ hoặc không có giới từ.” (Dẫn theo [3, tr. 274]).

Hoàng Trọng Phiến gọi là thành phần khởi ý và phát biểu: “Thành phần này giống như từ chủ đề. Nó nêu lên nội dung chính của thông báo được nói bằng nòng cốt của câu. Thường thường nó ở đầu câu, và không liên hệ trực tiếp với một từ nào trong câu”. [5, tr. 190].

Diệp Quang Ban cho rằng: “Đề ngữ là yếu tố nêu lên đề tài của sự thể được nói đến trong câu, nhưng không phải là chủ ngữ, và đứng trước chủ ngữ (ít khi đứng sau chủ ngữ)”. [2, tr. 60].

Nguyễn Thị Lương quan niệm: “Khởi ngữ là thành phần phụ, đứng trước nòng cốt câu, được dùng để nêu một đối tượng, một nội dung với tư cách là đề tài của câu nói (do đó có người gọi là đề ngữ). Trước khởi ngữ có thể có quan hệ từ về, đối với...” [4, tr. 61].

Như vậy, về cương vị, chức năng của đề ngữ (khởi ngữ...) trong câu, đa số các nhà nghiên cứu cho rằng đề ngữ là thành phần phụ của câu, là thành phần dùng để biểu thị chủ đề của câu và về mặt ngữ pháp thì có quan hệ với cả câu nói chung chứ không phải với một thành tố riêng lẻ nào trong câu.

Đề ngữ là một chức năng cú pháp trong CT CP của câu (CT CP được hiểu là cấu trúc chủ - vị). Tuy nhiên, trong Việt ngữ học, thuật ngữ “đề ngữ” còn được dùng như một thành tố của cấu trúc đề-thuyết (với tư cách là CT CP cơ bản của câu), tức đề ngữ với tư cách là điểm xuất phát để tổ chức thông điệp của câu. Hay, Nguyễn Văn Hiệp (trong *Cú pháp tiếng Việt*) cho rằng: khởi ngữ (tức đề ngữ hiểu với tư cách thành phần cú pháp của câu) là thành phần câu chuyên được dùng để biểu thị Đề ngữ (của tổ chức thông điệp) nhằm xác lập nghĩa chủ đề của câu (xem tr. 272).

Đề ngữ, theo chúng tôi, có các đặc điểm sau:

- Về cương vị trong câu: Đề ngữ là một chức năng cú pháp (thuộc CT CP), là thành phần phụ của câu.

- Về chức năng: Đề ngữ có chức năng biểu thị chủ đề của sự tình được nêu trong câu.

- Về vị trí của đề ngữ trong mô hình cấu trúc câu: Trong Việt ngữ học, có ý kiến cho rằng đề ngữ luôn luôn đứng ở đầu câu (Nguyễn Tài Cẩn 1975; Nguyễn Minh Thuyết 1981; Trần Ngọc Thêm 1985; Trương Văn Chình; Nguyễn Hiến Lê 1963), cũng có ý kiến cho rằng đề ngữ không nhất thiết đứng đầu câu (Nguyễn Kim Thân cho rằng thông thường đề ngữ đứng ở đầu câu “nhưng trong trường hợp các biệt, nó cũng có thể đứng giữa S và P”; Diệp Quang Ban tuy cho rằng đề ngữ “ít khi đứng sau chủ ngữ và trước vị ngữ” nhưng cũng chấp nhận cả trường hợp đề ngữ đứng sau chủ ngữ).

Chúng tôi cho rằng, đề ngữ là thành phần phụ của câu thường đứng trước nòng cốt câu (bởi trong thực tế dễ dàng bắt gặp những câu mà đề ngữ đứng sau những yếu tố liên kết, yếu tố tình thái, đề ngữ đứng sau trạng ngữ...). Vị trí trước nòng cốt câu là vị trí lí tưởng của đề ngữ để có thể biểu thị chủ đề của câu nói và xác lập cấu trúc thông điệp của câu. Tuy nhiên, trong trường hợp câu đã có chủ ngữ đứng đầu câu biểu thị chủ đề cấp 1 thì có thể có đề ngữ đứng sau chủ ngữ để biểu thị chủ đề cấp 2.

- Về cấu tạo hình thức của đề ngữ: Một số tác giả cho rằng chỉ có danh từ mới có khả năng làm đề ngữ “Từ - chủ đề ... được biểu thị bằng danh từ ...” (Nguyễn Tài Cẩn, 1975), “Từ - chủ đề nêu chủ đề câu nói và được biểu thị bằng danh từ có giới từ hoặc không có giới từ” (Nguyễn Minh Thuyết 1981). Một số tác giả khác lại cho rằng cả vị từ (gồm cả động từ và tính từ theo truyền thống) (Diệp Quang Ban 1981, Trương Văn Chình, Nguyễn Hiến Lê 1963) cũng có khả năng làm đề ngữ. Chúng tôi cho rằng, các từ loại *danh từ, động từ, tính từ, đại từ* đều có thể dùng trong chức năng đề ngữ cùng những cấu trúc phức tạp hơn nhiều.

- Về số lượng: Các nhà nghiên cứu cũng đã đề cập đến một câu có thể có hai đề ngữ và đề nghị phân biệt đề ngữ chính và đề ngữ thứ (Trương Văn Chinh, Nguyễn Hiền Lê 1963, Diệp Quang Ban 1987) theo đó đề ngữ chính (biểu thị chủ đề cấp 1) luôn đứng trước đề ngữ thứ (biểu thị chủ đề cấp 2).

2. Chức năng nghĩa của đề ngữ trong các tác phẩm của Nam Cao

Trong công trình [2], Diệp Quang Ban đã có những chỉ dẫn về vai nghĩa của đề ngữ: đề ngữ nêu đề tài (được cụ thể hóa bằng *đích thể*, *tiếp thể*). Qua ngữ liệu khảo sát, chúng tôi thấy đề ngữ xuất hiện với các chức năng nghĩa sau:

2.1. Đích thể

Vai nghĩa *đích thể* của đề ngữ chiếm số lượng lớn (89 câu ~ 41,9%). Có thể nói đây là vai nghĩa chính thức và phổ biến của đề ngữ trong CT NBH. Ví dụ:

(1) [Một lúc sau, chẳng biết gửi em cho ai được, đưa con gái lần la lại gần tôi, xem dỡ nhà.] *Những mè, rui đã dỡ xong rồi* (1, tr. 172).

(2) [Nói như vậy để hiểu rằng anh có lẽ chỉ làm thế nào cho vợ anh dễ đều đều vài năm một đứa.] *Cái việc ấy anh cũng làm đều đều* (2, tr. 358).

2.2. Sở thuộc thể

Số lượng câu có đề ngữ mà đề ngữ mang vai nghĩa “sở thuộc thể” là 8 câu, chiếm 3,8%. Ví dụ:

(3) [Nói thế, nghĩa là nhà cũng túng. Nhưng túng thì túng thật mà bụng dạ anh ta khá. Anh chỉ làm mà ăn với nuôi vợ, nuôi con, chứ không hề ăn trộm, ăn cắp của ai.] *Cái sự túng thiếu làm liều, anh tịnh là không có* (1, tr. 247).

(4) [Họ chẳng có tí gì. Đồ đạc không.] *Hòm xiềng không* (2, tr. 231).

2.3. Vị trí

Đây cũng là một trong những trường hợp mà đề ngữ chính thức mang vai nghĩa của nó trong CT NBH. Ý nghĩa *vị trí* trong CT NBH của đề ngữ là hệ quả của sự chuyển giao trình tự sắp xếp trên ngữ tuyến (đồng

thời là chuyển giao chức năng) của bộ ngữ chỉ điểm đến trong hành động di chuyển vị trí. Ví dụ:

(5) [Khôn nạn! Đã bao giờ y đi đến Huế, đến Tourane, đến Sài Gòn.] *Ngay đến Hải Phòng, y cũng chưa đến bao giờ* (2, tr. 100).

Cũng có thể kể đến ví dụ với đề ngữ thứ mang ý nghĩa *vị trí* sau:

(6) [- Tôi bảo nhé! Chỗ này thì còn nhiều lúa chưa gặt lắm. Các ông có dám đến thì tôi mách.]

- *Chúng tôi thì âm phủ chúng tôi cũng dám đến* (1, tr. 176).

Đề ngữ chỉ *vị trí* không nhiều (1 câu với đề ngữ chính và 1 câu với đề ngữ thứ). Song, có thể thấy đây cũng là một vai nghĩa của đề ngữ tồn tại trong thực tế hoạt động ngôn ngữ.

2.4. Đề tài

Trong trường hợp này, ý nghĩa của đề ngữ thuần túy là chủ đề của câu nói. Chủ đề này có tính chất tương đối độc lập với nội dung ngữ nghĩa của nòng cốt câu. Nếu xét về cú pháp, ở trường hợp này, đề ngữ không tương liên với các yếu tố trong CT CP của câu. Số lượng câu có đề ngữ mang vai nghĩa đề tài 44 câu. Ví dụ:

(7) [Bá Kiến quả có ý muốn dàn xếp cùng hấn thật. Không phải cụ đờn, chính thật cụ khôn róc trời, thứ nhất sợ kẻ anh hùng, thứ hai sợ kẻ cớ cùng liều thân. (còn 2 câu)] *Cái nghề làm việc quan, nếu cứ nhất nhất cái gì cũng đề đầu ấn cổ thì lại bán nhà đi cho sớm* (1, tr. 41).

(8) [Cái ăn, độc một chén cà nén, chạt vào những muối; ăn mặn như thợ đường bẻ, cũng chỉ một quả là đủ bữa....] *Về cái tích cà này, ông nhiều kể lại một chuyện buồn cười lắm* (1, tr. 173).

Ngoài những vai nghĩa chính thức của đề ngữ như đã nói trên, chúng tôi còn gặp những ý nghĩa của đề ngữ trùng ứng với một vai nghĩa nào đó trong CT NBH nòng cốt như vai nghĩa của chủ ngữ, vị ngữ... Các yếu tố này đồng thời xuất hiện tạo cảm giác dàn

trải mà nhẹ nhàng trong diễn đạt. Sau đây là một số biểu hiện cụ thể.

2.5. Động thể

Động thể là vai nghĩa của chủ ngữ với tư cách là chủ thể thực hiện hành động. Trong câu có đề ngữ, khi đề ngữ có sự trùng ứng với chủ ngữ thì nó cũng mang vai nghĩa như chủ ngữ (tức *động thể*). Ngữ liệu thống kê cho thấy loại vai nghĩa này là 19 câu chiếm 9 %. Ví dụ (đề ngữ gạch dưới, thành phần tương liên in đậm)

(9) [- Tôi hiểu cái cử chỉ của anh Giang lắm. Chắc sau khi đưa tiền cho nàng rồi, thì anh hối hận; anh cũng túng, anh còn cần những món tiền không thể không tiêu, hai đồng bạc mà mẹ anh phải đổ rất nhiều mồ hôi...] Mà nàng, **nàng** tiêu vào những việc không cần lắm (1, tr. 92).

(10) [Cả bốn đều mặc chềnh mảng như những kẻ không quan tâm đến đời vật chất. Họ khinh cái số đông loài người. Tội gì đi chơi vào những lúc phố đông người.] Họ, **họ** cố tránh cái bọn tầm thường đi đi lại lại như mắc cửi (1, tr. 85).

2.6. Đương thể

“Đương thể” là vai nghĩa của chủ ngữ khi là chủ thể của trạng thái, thuộc tính hay quan hệ thuộc tính. Khi đề ngữ tương đương với chủ ngữ, đề ngữ cũng mang vai nghĩa này. Qua số liệu thống kê, đề ngữ tương ứng với vai nghĩa “đương thể” của chủ ngữ là 24 câu (chiếm 11,2%), trong đó “đương thể” quan hệ là 7 câu và đương thể mang thuộc tính là 17 câu. Ví dụ:

(11) [Bà bác tôi coi anh không bằng con trâu anh thường dắt đi chăn. Con trâu là một món tiền to. Nó làm lợi rất nhiều. (còn 2 câu).] Còn anh, **anh** chỉ là một thằng hèn. (1, tr. 256) (đề ngữ là đương thể quan hệ).

(12) [Nàng tin lòng chàng. Bởi vì lòng chàng còn nguyên vẹn.] Còn nàng, **dầu sao, nàng** là cánh hoa rơi trên đường rồi (1, tr. 372) (đề ngữ là đương thể quan hệ).

(13) [Phần mở thúng đã đánh phải phần Du (còn 5 câu).] Còn Du thì **mặt đỏ như gấc**

chín (1, tr. 32) (đề ngữ là đương thể mang thuộc tính).

(14) [Thai nghĩ đến vợ, đến đứa con nhỏ, đến những buổi tối của những mùa rét trước. Cái ổ rom ấm nóng, mẻ ngô rang thơm ngọt, tiếng trẻ con cười giòn.] Và người đàn bà, **người đàn bà** ấm hơn chăn chiếu. (1, tr. 202) (đề ngữ là đương thể mang thuộc tính)

2.7. Cảm thể

Khi chủ ngữ mang vai nghĩa *cảm thể* (thể cảm nghĩ) thì đề ngữ tương liên với chủ ngữ cũng tương ứng với vai nghĩa này. Số lượng kiểu câu này là 21 câu ~ 10%. Ví dụ:

(15) [Nhưng Thứ lắc đầu:

- Anh ngốc. (còn 1 câu)]

- Tôi thì tôi cho rằng *Đích ghen chứ chẳng có ý gì đâu* (2, tr. 248).

(16) [Các bạn cũ của tôi lạ lắm. (còn 9 câu)] Riêng tôi, về giữa họ, **tôi** thấy tôi là một thằng nhút nhát (2, tr. 454).

2.8. Phát ngôn thể

Trên phương diện nghĩa, đề ngữ có vai nghĩa *phát ngôn thể* khi nó tương ứng với chủ ngữ là chủ thể của một hành động nói năng. Chúng tôi chỉ gặp một trường hợp thuộc loại này (chiếm ~ 0,5 %). Đó là:

(17) [Ở nhà quê, người ta đánh vợ, chửi vợ như chửi chó, chửi mèo. Y cho là những quân cục súc, vũ phu, quen bắt nạt xó nhà]. Còn y, **y** đã bảo thẳng với Liên: “*Tôi không có quyền được đánh mình*” (2, tr. 272).

2.9. Đặc trưng/quan hệ

Đề ngữ mang ý nghĩa đặc trưng/quan hệ khi nó tương ứng với vị tổ của câu nếu xét về phương diện ngữ pháp. Trong số liệu khảo sát, số câu mang kiểu quan hệ này là 5 câu, chiếm ~ 2,4%. Ví dụ:

(18) [Thế mới là ích kỉ! ...]

- Ích kỉ thì **cố nhiên là ích kỉ rồi**. (2, tr. 261)

Một vai nghĩa quan trọng của đề ngữ là tiếp thể. Song, khảo sát trong các tác phẩm của Nam Cao chúng tôi không thấy trường hợp nào đề ngữ được sử dụng với chức năng nghĩa này.

Trong các sáng tác của Nam Cao, với 212 câu có đề ngữ (không kể câu ghép), chức năng nghĩa của đề ngữ được phân bố theo bảng sau:

Chức năng nghĩa	Động thể	Đương thể	Cảm thể	Phát ngôn thể	Vị trí	Đích thể	Đề tài	Sở thuộc thể	Đặc trưng/ quan hệ
Số lượng	19	24	21	1	1	89	44	8	5
Tỉ lệ	9%	11,2%	10%	0,5%	0,5%	41,9%	20,7%	3,8%	2,4%

Bảng tổng hợp chức năng nghĩa của đề ngữ

KẾT LUẬN

Đề ngữ là thành phần cú pháp “đặc biệt” của câu tiếng Việt. Trên bình diện ngữ nghĩa, chức năng nghĩa của đề ngữ được cụ thể bằng các vai nghĩa *đích thể, cảm thể, sở thuộc thể, phát ngôn thể, động thể, đương thể* và cả *đặc trưng/ quan hệ*.

Số liệu thống kê cho thấy vai nghĩa *đích thể* của đề ngữ có tần số xuất hiện lớn. Như vậy, *đích thể* có vai trò quan trọng trong CT NBH. Có thể nói, đây là vai nghĩa chính thức của đề ngữ. Các vai nghĩa khác như *đương thể, động thể* ... vai trò nghĩa mờ nhạt hơn bởi các vai nghĩa này đã được biểu đạt chính thức ở chủ ngữ.

Nam Cao không chỉ là một tác gia văn học nổi tiếng với những sáng tác mang đậm hơi thở của một thời, với những hình tượng nhân vật đã ăn sâu vào tiềm thức người đọc. Ông còn là một bậc thầy về sử dụng ngôn ngữ. Cái lối văn phong giản dị, tự nhiên đã làm nên một phong cách ngôn ngữ độc đáo không thể hòa lẫn. Thành phần câu tiếng Việt *đề ngữ* xuất hiện nhiều trong các sáng tác của ông đã góp phần không nhỏ vào việc khẳng định một phong cách ngôn ngữ Nam Cao: dung dị, đời thường mà sâu sắc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban (1998), *Ngữ pháp tiếng Việt*, tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Diệp Quang Ban (2005), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

3. Nguyễn Văn Hiệp (2009), *Cú pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

4. Nguyễn Thị Lương (2009), *Câu tiếng Việt*, Nxb ĐH SP, Hà Nội.

5. Hoàng Trọng Phiến (2008), *Ngữ pháp tiếng Việt - Câu* (tái bản), Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

6. Nguyễn Kim Thản (1964), *Nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb KHXH, Hà Nội.

7. Lý Toàn Thắng (2004), *Lí thuyết trật tự từ trong cú pháp*, Nxb ĐHQG, Hà Nội.

8. Nguyễn Minh Thuyết - Nguyễn Văn Hiệp (1998), *Thành phần câu tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

9. Bùi Minh Toán - Nguyễn Ngọc San (2000), *Tiếng Việt*, tập 3, Giáo trình Cao đẳng Sư phạm, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

10. Bùi Minh Toán, Nguyễn Thị Lương (2007), *Giáo trình ngữ pháp tiếng Việt*, (Sách dành cho các trường Cao đẳng Sư phạm), Nxb ĐHSP, HN.

11. Bùi Minh Toán (2012), *Câu trong hoạt động giao tiếp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

12. UBKHXH Việt Nam (1983), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb KHXH, Hà Nội.

NGUỒN NGŨ LIỆU

1. Nam Cao, *Tuyển tập Nam Cao*, tập 1, Nxb Văn học. 2005.

2. Nam Cao, *Tuyển tập Nam Cao*, tập 2, Nxb Văn học, 2005.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 20-7-2014)